

Số: **01/2023/QĐST-KDTM**

Bình Đại, ngày 24 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 240/2023/TLST - **DS** ngày 28 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng T**

Trụ sở chính: 108 Trần Hưng D, phường N, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện cho Ngân hàng T: **Ông Trần Anh Tuấn L** – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng T – Chi nhánh Bến Tre, **là người đại diện theo ủy quyền** theo Văn bản ủy quyền số 252/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 28/02/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T.

Ủy quyền: **Ông Trịnh Minh C**, sinh năm 1975 - Chức vụ: Phó phòng tổng hợp Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre. **Địa chỉ:** Số 02, Đại Lộ K, phường H, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre **tham** gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 252/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 28/02/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T.

- *Bị đơn:*

Bà Lê Thị K – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T BT.99362.TS

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Lê Thị K, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Lê Thị K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân T BT.99362.TS thừa nhận còn nợ và đồng ý có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre đại diện nhận) số tiền nợ vay tính đến ngày 15 tháng 11 năm 2023 là: **2.222.566.490 đồng** (Hai tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc: 1.389.605.528 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng).

+ Lãi trong hạn: 775.423.117 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, một trăm mười bảy đồng).

+ Lãi quá hạn: 57.537.845 đồng (Năm mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng).

2.2. Thời gian thực hiện trả nợ:

Trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày **16/11/2023 đến ngày 16/12/2023** là trả hoàn tất nợ.

2.3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày **15 tháng 11 năm 2023** cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong:

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 12736.**064**/2021/HĐCVHM/NHCT78034-DNTN PHUOC TIEN BT.99362.TS ngày 15/4/2021;

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 12736.**065**/2021/HĐCVHM/NHCT78034-DNTN PHUOC TIEN BT.99362.TS ngày 15/4/2021;

+ Hợp đồng cho vay từng lần số 12736.**010**/2022/HĐCV/NHCT78034-DNTN PHUOCTIENBT.99362.TS ngày 25/01/2022 mà các bên đã ký kết.

*(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng **thời** kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất **mà bà Lê Thị K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân T BT.99362.TS** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).*

2.4. Đến thời hạn trả nợ nêu trên mà bà Lê Thị K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân T BT.99362.TS không thực hiện theo đúng thỏa thuận nêu trên thì bà Lê Thị K và

ông Trương Thanh T tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ **giao toàn bộ** tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý thu hồi nợ và lãi phát sinh.

- Các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết gồm có:

+ Hợp đồng thế chấp **tài** sản số 15.0359/HĐTC/06 ngày 23/9/2015, được công chứng tại Văn Phòng Công chứng Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, số công chứng 1943 quyền số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/9/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (nếu có), **đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/9/2015, 14/01/2016, 18/11/2016.**

+ Hợp đồng thế chấp phương tiện tàu cá số **014/2022/HĐBĐ/NHCT78034** ngày 20/01/2022, được công chứng tại Văn Phòng Công chứng Trương Thị Thanh Thúy, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, số công chứng 000251 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (nếu có), **đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày ngày 31/5/2022.**

+ Hợp đồng thế chấp **Quyền** sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 15.0360/HĐTC/06 ngày 23/9/2015, được công chứng tại Văn Phòng Công chứng Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, số công chứng 1944 quyền số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/9/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (nếu có), **đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Đại ngày 23/9/2015, 03/10/2018.**

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **011/2022/HĐBĐ/NHCT78034** ngày 20/01/2022, được công chứng tại Văn Phòng Công chứng Trương Thị Thanh Thúy, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, số công chứng 000249 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (nếu có), **đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Đại ngày 20/01/2022.**

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **012/2022/HĐBĐ/NHCT78034** ngày 20/01/2022, được công chứng tại Văn Phòng Công chứng Trương Thị Thanh Thúy, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, số công chứng 000248 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (nếu có), **đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Đại ngày 20/01/2022.**

2.5. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.5.1. Ngân hàng T phải chịu là **19.112.832 đồng** (Mười chín triệu, một trăm mười hai nghìn, tám trăm ba mươi hai đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng T đã nộp là 57.192.438 đồng (Năm mươi bảy triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số 0005086

ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, Ngân hàng T (do Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre đại diện nhận) được hoàn lại số tiền chênh lệch là **38.079.606 đồng** (Ba mươi tám triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng).

2.5.2. Bà Lê Thị K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân T BT.99362.TS phải chịu là **19.112.832 đồng** (Mười chín triệu, một trăm mười hai nghìn, tám trăm ba mươi hai đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên